

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày

tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề cương và dự toán lập điều chỉnh
Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025; Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 về phát triển đô thị thông minh;

Căn cứ Thông tư số 16/2026/TT-BXD ngày 29/4/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý các chi phí liên quan đến việc xây dựng, điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; tổ chức lập, thẩm định đề án công nhận loại đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và công bố loại đô thị;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Sơn La số 383/QĐ-UBND ngày 03/3/2024 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030; số 586/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời

kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 593/QĐ-UBND ngày 01/3/2026 công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Sơn La số 912/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 phê duyệt đề xuất xây dựng điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030; Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ lập điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030, đơn vị Sở Xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 310/TTr-SXD ngày 15/6/2026, Báo cáo kết quả thẩm định số 612/BC-SXD ngày 12/6/2026; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Thông báo 304/TB-VPUB ngày 30/6/2026 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương và dự toán lập điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng tổ chức triển khai lập điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 bảo đảm nội dung, chất lượng, tiến độ được giao; công tác lựa chọn đơn vị tư vấn, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, số liệu phục vụ quá trình lập điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực X; Chủ tịch UBND các phường, xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP; THKT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, THKT, Giang26b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tiến

PHỤ LỤC
Đề cương và dự toán lập điều chỉnh
Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026 của UBND tỉnh Sơn La)

A. THUYẾT MINH

Phần I. Phần mở đầu

1. Lý do và sự cần thiết (*căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn*).
2. Phạm vi, thời hạn, trách nhiệm cơ quan lập, thực hiện, phối hợp trong chương trình phát triển đô thị.
3. Các yêu cầu, nội dung khác về chương trình phát triển đô thị theo tình hình thực tế địa phương.

Phần II. Thực trạng phát triển đô thị trên địa bàn

1. Hiện trạng hệ thống đô thị
 - Nêu hiện trạng đô thị trên địa bàn (*số lượng, danh mục, loại đô thị hiện hữu*); danh mục theo loại đô thị; Tỷ lệ đô thị hóa; tốc độ tăng dân số đô thị; vai trò, chức năng của các đô thị trong tỉnh.
 - Hiện trạng không gian và phân bố đô thị về quy mô, ranh giới và cấu trúc không gian các đô thị; phân bố dân cư, đất xây dựng đô thị; mối quan hệ đô thị - nông thôn; mức độ phát triển đô thị theo quy hoạch; tình trạng mở rộng đô thị, phát triển dàn trải (*nếu có*).
2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị về giao thông đô thị và kết nối liên đô thị; cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải; cấp điện, chiếu sáng đô thị; quản lý chất thải rắn, nghĩa trang; hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin và phát triển đô thị thông minh (*nếu có*)...
3. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội đô thị về các loại hình nhà ở; các công trình y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao; không gian công cộng, cây xanh đô thị....
4. Hiện trạng môi trường đô thị, thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu (*các tác động về ngập úng, ô nhiễm, suy giảm không gian xanh,...*).
5. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình phát triển đô thị
 - Kết quả đạt được: Đánh giá cụ thể về mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu chính của chương trình; kết quả đầu tư xây dựng, cải tạo, chỉnh trang và phát triển mới các đô thị; kết quả công nhận loại đô thị, đánh giá trình độ phát triển hạ tầng đô thị; kết quả thực hiện phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; kết quả huy động, sử dụng các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị.
 - Đánh giá tác động của chương trình đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố; nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, quản lý quy hoạch - xây dựng đến đời sống dân cư đô thị.

6. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình gồm thể chế, chính sách; công tác quy hoạch; nguồn lực; tổ chức thực hiện.

Phần III. Nội dung điều chỉnh chương trình phát triển đô thị

1. Mục tiêu: các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể trong kỳ chương trình của địa phương.

2. Định hướng trong kỳ thực hiện chương trình

Các định hướng phát triển hệ thống đô thị; tổ chức không gian đô thị; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội; định hướng bảo vệ môi trường, phát triển đô thị tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu (*dự báo theo kịch bản biến đổi khí hậu*); định hướng huy động nguồn lực và quản lý thực hiện.

3. Dự kiến các chỉ tiêu phát triển đô thị, bao gồm:

- Một số chỉ tiêu phát triển đô thị chủ yếu.
- Lộ trình công nhận các đô thị mới, nâng loại đô thị, mở rộng đô thị (*nếu có*) trong kỳ chương trình.
- Chỉ tiêu về phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;
- Các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh khác do địa phương quyết định (*lựa chọn phù hợp đặc thù phát triển của tỉnh*).

4. Các nhiệm vụ, giải pháp, dự án thực hiện

- Các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp tổ chức phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật và thực tế của địa phương; giải pháp quy hoạch, cơ chế, nguồn lực, tài chính, tín dụng, thủ tục hành chính và các nhiệm vụ, giải pháp liên quan khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Đề xuất cụ thể về cơ chế, cơ quan bố trí nguồn lực, thời gian thực hiện; trách nhiệm tổ chức thực hiện đối với cơ chế hoặc nguồn lực của Trung ương.

- Dự kiến các dự án đầu tư xây dựng công trình cấp quốc gia hoặc khu vực phục vụ các hoạt động của khu vực, quốc tế (*nếu có*); công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cấp đô thị.

- Xác định các nội dung về đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và tổ chức không gian đô thị để hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị hoặc nâng cao hơn so với quy định.

- Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thời gian và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc đầu tư phát triển đô thị để đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại I theo quy định của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

5. Các nội dung khác theo tình hình thực tế của địa phương.

Phần IV. Đề xuất, kiến nghị

B. PHỤ LỤC

I. Phụ lục các văn bản: Là các văn bản liên quan đến căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý để lập chương trình phát triển đô thị.

II. Các bảng biểu phụ lục:

1. Danh mục các đô thị theo phân loại đô thị; danh mục các xã, đặc khu dự kiến thành đô thị; đô thị mới (*nếu có*), đô thị mở rộng (*nếu có*), đặc khu (*nếu có*) trong kỳ của chương trình.

2. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng để phát triển đô thị sử dụng vốn đầu tư công và sử dụng vốn khác.

3. Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chương trình.

4. Các số liệu liên quan đến chương trình phát triển đô thị được xác định trong thời gian tổ chức khảo sát, đánh giá, xây dựng chương trình.

C. DỰ TOÁN KINH PHÍ

I. Căn cứ lập dự toán

- Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025; Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

- Thông tư 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị;

- Thông tư 16/2026/TT-BXD ngày 29/4/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý các chi phí liên quan đến việc xây dựng, điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; tổ chức lập, thẩm định đề án công nhận loại đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và công bố loại đô thị;

- Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

- Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề xuất xây dựng điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030;

- Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 về việc giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ lập điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030, đơn vị Sở Xây dựng;

- Quyết định số 211/QĐ-SXD ngày 04/6/2026 của Sở Xây dựng về việc phân bổ và giao bổ sung dự toán kinh phí năm 2026 thực hiện nhiệm vụ lập điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 của Sở Xây dựng;
- Khối lượng, công việc thực hiện.

II. Dự toán chi phí điều chỉnh Chương trình: 786,843 triệu đồng (*Bảng chữ: Bảy trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), trong đó:

- Chi phí chuyên gia: 396,600 triệu đồng;
- Chi phí quản lý: 218,130 triệu đồng;
- Chi phí khác: 76,944 triệu đồng;
- Thu nhập chịu thuế tính trước: 36,884 triệu đồng;
- Thuế giá trị gia tăng: 58,285 triệu đồng.

(Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành)

III. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh (*UBND tỉnh giao tại Quyết định 1301/QĐ-UBND ngày 02/6/2026, Sở Xây dựng giao chi tiết tại Quyết định số 211/QĐ-SXD ngày 04/6/2026*).

IV. Giá trị dự toán các hạng mục công việc là giá trị tạm tính để tổ chức thực hiện; giá trị thanh toán, quyết toán được xác định theo khối lượng công việc thực tế được nghiệm thu hoàn thành, bảo đảm đúng quy định pháp luật hiện hành và không vượt dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. HỒ SƠ SẢN PHẨM

- a) Báo cáo điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 (*bao gồm: Thuyết minh, phụ lục các văn bản pháp lý, phụ lục bảng biểu số liệu và sơ đồ bản vẽ minh họa - nếu có, báo cáo kết quả khảo sát*).
- b) Dự thảo tờ trình, dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Chương trình.
- c) USB chứa toàn bộ file mềm của hồ sơ điều chỉnh Chương trình (*Hồ sơ, tài liệu phải được số hóa, chuẩn hóa theo quy định hiện hành*).

VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030: Năm 2026./.